

Bản án số: 342/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10- 2019

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Quang Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/9/2019 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chu Thị H**; sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 13, xã M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Anh **Phạm Như H1**; sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 13, xã M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong phiên H1 giải và tại phiên tòa chị Chu Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị kết hôn với anh H1 trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2005 là do từ khi con chị đi học vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống tại địa phương, thời gian đầu vợ chồng chị H1 thuận và cùng nhau làm chè tại địa phương, đến năm 2005 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị nghiện ma túy và đã từng đi cai nghiện tại công trường 06 chị khuyên bảo nhiều lần nhưng chồng chị không bỏ được vẫn tái nghiện, ngoài ra lại hay uống rượu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, cuộc sống gia đình ảnh hưởng cả đến các con, vợ chồng chị đã ly thân từ

đầu năm 2018, chị đã làm đơn đến toà án giải quyết, tuy nhiên sau khi toà án thụ lý giải quyết và H1 giải chị đã rút đơn nhưng sau đó vợ chồng vẫn không tiếp tục cùng nhau chung sống được, vợ chồng không còn quan tâm và nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Như H1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Văn Hiệp, sinh ngày 20/9/1998 và Phạm Thị Mai Trang, sinh ngày 08/8/2005, cháu Hiệp đã trưởng thành đã xây dựng gia đình nên chị không đề nghị giải quyết nuôi cháu Hiệp đối với cháu Trang đang ở với chị, chị đề nghị nuôi cháu Trang và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng chị không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Như H1 trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Chu Thị H quen biết tìm hiểu nhau được một thời gian vào năm 1998 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới vợ chồng anh sống tại thôn 13, xã M, huyện Yên Sơn đến năm 2005 vợ chồng anh tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Yên Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng anh sống bình thường, hạnh phúc, từ khoảng năm 2016 chị H đi làm xa nhà không về nhà và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình, đối với anh thì anh có đi cai nghiện tại công trường 06 vào năm nào anh không nhớ. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, chị H đề nghị ly hôn anh không nhất trí.

2.Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng anh có hai con chung là Phạm Văn Hiệp, sinh ngày 20/9/1998 và Phạm Thị Mai Trang, sinh ngày 08/8/2005, cháu Hiệp đã trưởng thành đã xây dựng gia đình nên anh không đề nghị giải quyết nuôi cháu Hiệp đối với cháu Trang anh đề nghị được nuôi cháu Trang và đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*)

3.Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung

4.Về vay nợ; Vợ chồng anh không vay nợ ai chung, không đề nghị toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Chu Thị H giữ nguyên ý kiến đã trình bày, chị xác nhận hiện nay chị làm nghề tự do cụ thể là bán hàng thuê tại Tuyên Quang mức thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Anh Phạm Như H1 vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Thị H; Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Phạm Như H1.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Mai Trang, sinh ngày 08/8/2005 cho chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Chu Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chu Thị H và anh Phạm Như H1 có nơi thường trú và sinh sống tại xã thôn 13, xã M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Chu Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh Phạm Như H1. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/10/2019 và được tổng đạt trực tiếp cho các bên đương sự, tuy nhiên tại phiên toà chị H có mặt anh H1 vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX hoãn phiên toà, quyết định hoãn phiên toà cũng được tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự, tại phiên toà ngày hôm nay chị H có mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Phạm Như H1 lấy nhau có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị H1 thuận, thời gian gần đây từ năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh H1 cho rằng chị H đi làm ăn xa từ năm 2016 không về nhà và có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chị H và anh H1 đều xác nhận anh H1 nghiện ma túy và đã đi cai nghiện, trước những mâu thuẫn của anh chị, chị H đã làm đơn đến Toà án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết, sau một thời gian chị H đã rút đơn khởi kiện và đã được Toà án đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng sau đó anh chị vẫn không còn chung sống với nhau, anh H1 không nhất trí ly hôn nhưng cũng không có thiện chí bàn bạc đoàn tụ.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống chung của chị H và anh H1 thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau, có lần đánh nhau thôn đã phải nhắc nhở, cách đây khoảng 03 năm chị H đã không chung sống cùng anh H1, nay chị H đề nghị ly hôn anh H1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận đơn khởi kiện

xin ly hôn của chị Chu Thị H. Hội đồng xét xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Phạm Như H1 là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có hai con chung là Phạm Văn Hiệp, sinh ngày 20/9/1998 và Phạm Thị Mai Trang, sinh ngày 08/8/2005, cháu Hiệp đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên anh chị không đề nghị giải quyết nuôi cháu Hiệp.

Đối với cháu Phạm Thị Mai Trang, sinh ngày 08/8/2005, hiện nay cháu Trang đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh H1 đều tranh chấp đề nghị được nuôi con. HĐXX thấy rằng; Hiện tại chị H và cháu Trang đã về sống với mẹ đẻ chị H tại thôn Lũng, xã M, huyện Yên Sơn, bà Hg Thị Thân là mẹ đẻ chị H cho biết chị H và cháu Trang hiện đã về nhà bà sinh sống ổn định, gia đình nhà bà Thân có một mình bà (chồng bà đã chết) có nhà xây ở 03 gian đủ để đảm bảo cho chị H và cháu Trang sinh sống, cháu Trang cũng có ý kiến đề nghị được ở với mẹ, mặt khác anh H1 mắc tệ nạn xã hội. Do vậy để đảm bảo về mọi mặt của con sau khi ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu của chị H đề nghị được nuôi cháu Trang và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung; Tài sản chung, anh chị không đề nghị giải quyết và anh chị không nợ chung ai, nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị H, theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H.

Xử; Cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Phạm Như H1.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Mai Trang, sinh ngày 08/8/2005 cho chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H1

không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^o 0001728 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và anh Phạm Như H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

u lực)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

u lực)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

ÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

g, Thị Huệ

Nguyễn Thị Thu Hà

Nguyễn Quang Thắng – Đặng Thị Huệ

rc)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT
THẨM PHÁN – CHỦ

Nguyễn Th

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Hg Đức Cảnh

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND thị trấn Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Hg Đức Cảnh

Nguyễn Thị Thu Hà